

Bản án số: 06/2022/HS-ST  
Ngày 19-8-2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Ánh Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Văn Ôn.

2. Ông Lê Văn Luật.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Văn Bim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST tham gia phiên tòa:** Ông Đồng Việt Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HS ngày 06-7-2022, đối với bị cáo:

**NTK** (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1988 tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Thợ hồ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Minh Luân, sinh năm 1968 và bà Lê Thị Duyên, sinh năm 1968; có vợ Nguyễn Thị Tha, sinh năm 1990 (đã ly hôn), có một con sinh năm 2008; tiền án: Có 04 tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29-9-2006, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2006-HSST. Đã thi hành xong bản án, chưa được xóa án tích; ngày 16-01-2009, bị Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 (hai) năm tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2009/HSST. Đã thi hành xong bản án, chưa được xóa án tích; ngày 15-02-2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

xử phạt 03 (ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HSST. Đã thi hành xong bản án, chưa được xóa án tích; ngày 17-9-2014, bị Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2014/HSST. Đã chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18-11-2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chị YC, sinh năm 1994; trú tại: Thôn Kô Chắk, xã Măng Bút, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Đinh Văn B, sinh ngày 03-3-2003; trú tại: Thôn MH, xã SB, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

2. Ông Đinh Văn K, sinh năm 1986; trú tại: Thôn MH, xã SB, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

3. Ông Đinh Văn S (chết); người đại diện hợp pháp của ông Sơn là bà Đinh Thị Ngọc, sinh năm 1983; trú tại: Thôn MH, xã SB, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, là vợ của ông Sơn, vắng mặt;

4. Ông Cao Văn T sinh năm 1981; trú tại: Thôn MH, xã SB, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

5. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977; trú tại: Số 97 đường CVA, Tổ 7, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

**Người tham gia tố tụng khác (người làm chứng):** Anh AD, sinh năm 1997; trú tại: Thôn 2, xã ĐTL, huyện KR, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 02 năm 2021, NTK đến nhà vợ của Đinh Thái Hùng tại thôn 2, xã ĐTL chơi và ăn nhậu cùng với Hùng, AD và YC (YC là bạn gái của AD). Trong quá trình nhậu, YC nói em gái của mình là Y Tám chuẩn bị tổ chức đám cưới tại xã Măng Bút. Nghe vậy, K hỏi xin YC và AD đến dự đám cưới thì YC đồng ý. Sau khi nhậu xong, YC, AD và NTK cùng điều khiển xe mô tô đi đến nhà YC. K tham dự đám cưới Y Tám và ở lại nhà YC 02 (hai) ngày. Sau đó, K hỏi mượn YC một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (anphal) BKS: 82L1- 052.84 cùng giấy tờ đăng ký xe mô tô xe máy để đi thăm bạn gái và một điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y11 để liên lạc thì được YC đồng ý.

Sau khi mượn được xe mô tô và điện thoại, NTK điều khiển xe mô tô này đi từ huyện Kon Plông đến nhà bạn gái Đinh Thị H, sinh năm 1999, trú tại SD, huyện

ST. Trên đường đi, K bị ngã xe và làm rơi điện thoại ViVo Y11 trên đường Đông Trường Sơn nhưng không tìm lại được. Khoảng 02 (hai) đến 03 (ba) ngày sau đó, K nảy sinh ý định thế chấp xe mô tô BKS 82L1- 052.84 lấy tiền tiêu xài. K nhờ anh ĐVB, sinh năm 2003, trú tại thôn Mang He, xã SB, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi liên hệ với anh Đinh Văn K, sinh năm 1986, trú cùng thôn với anh B để thế chấp xe mô tô này. Qua trao đổi, thỏa thuận, anh K đồng ý nhận thế chấp xe mô tô BKS: 82L1-052.84 với số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), thời hạn 01 (một) tháng phải chuộc xe. Sau đó, K cùng Đinh Thị H vào tỉnh Bình Phước để làm thuê. Đến thời hạn chuộc lại xe, nhưng K không có tiền chuộc xe, K bỏ mặc cho ông Khuẩn định đoạt chiếc xe trên.

Sau 01 tháng không thấy K chuộc xe, anh K đưa xe mô tô BKS: 82L1- 052.84 trao đổi với anh Đinh Văn S, sinh năm 1978, trú cùng thôn để lấy 01 con bò. Anh S bán xe mô tô này lại cho Anh Cao Văn T, sinh năm 1981, trú cùng thôn với giá 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Anh T bán lại anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977, trú tại Tổ 7, phường NL, TP QN với giá 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Anh T bán lại cho một người đàn ông ở thành phố Đà Nẵng (không xác định được lai lịch) với giá 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Hiện không truy tìm được chiếc xe trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25a/KL-HĐĐG, ngày 12-12-2021, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Kon PLông kết luận: một xe mô tô BKS: 82L1-05284, đặc điểm: màu xanh, nhãn hiệu Honda, loại xe: Wave có giá **16.852.500 đ** (mười sáu triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm đồng); một điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y11 màu xanh có giá 4.425.000 đ (bốn triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, NTK đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo NTK được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: NTK đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể:

- Trong các ngày 29 tháng 4 và ngày 06 tháng 5 năm 2022 K bị Tòa án nhân dân huyện ST xét xử về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Ngày 25 tháng 5 năm 2022 K bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Tây xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Tại bản cáo trạng số 311/CT-VKSST ngày 03-6-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi truy tố NTK về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo NTK phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo NTK 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (18-11-2021).

Đối với một điện thoại di động ViVo Y11, bị cáo K mượn của chị YC và K đã làm rơi trên đường đi. Qua điều tra, bị cáo khai nhận không có ý định chiếm đoạt tài sản này; việc điện thoại rơi không tìm được là nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo; không có chứng cứ để xác định bị cáo có hành vi chiếm đoạt điện thoại của chị YC. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự của K đối với chiếc điện thoại này.

Đối với anh Đinh B và anh Đinh Văn K, qua quá trình điều tra xác định anh B, anh K không biết xe máy do NTK sử dụng để thế chấp là tài sản của người khác do K thế chấp bất hợp pháp nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Đinh Văn S, Cao Văn Tú, Nguyễn Thanh T và người đàn ông trú tại thành phố Đà Nẵng (không rõ lai lịch). Qua điều tra xác định, những người này không biết xe mô tô mình đã trao đổi, mua bán là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về dân sự:

- Chị YC yêu cầu bị cáo NTK bồi thường theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

Bị cáo NTK, không có ý kiến tranh luận gì.

*Lời nói sau cùng của bị cáo:* Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo NTK không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội* : Tại phiên tòa, bị cáo NTK khai nhận: Khoảng đầu tháng 02 năm 2021, NTK đến nhà vợ của Đinh Thái H tại thôn 2, xã Đăk Tô Lung chơi và ăn nhậu cùng với Hùng, anh AD và YC. Trong quá trình ăn nhậu, YC nói em gái của mình là Y T chuẩn bị tổ chức đám cưới tại xã MB. Nghe vậy, K xin YC và anh AD đến dự đám cưới Y T thì được YC đồng ý. Sau khi nhậu xong, YC, AD và NTK cùng điều khiển xe mô tô đi đến nhà YC. K tham dự đám cưới Y Tám và ở lại nhà YC 02 (hai) ngày. Sau đó, K hỏi mượn YC một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (anphal) BKS: 82L1- 052.84 cùng giấy đăng ký xe mô tô xe máy để đi thăm bạn gái và một điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y11 để liên lạc thì được YC đồng ý.

Sau khi mượn được xe mô tô và điện thoại, NTK điều khiển xe mô tô này đi từ huyện KPL đến nhà bạn gái là Đinh Thị H, sinh năm 1999, trú tại SD, huyện ST. Trên đường đi, K bị ngã xe và làm rơi điện thoại ViVo Y11 trên đường Đông Trường Sơn nhưng không tìm lại được. Khoảng 02 (hai) đến 03 (ba) ngày sau đó, K nảy sinh ý định thế chấp xe mô tô BKS 82L1- 052.84 lấy tiền tiêu xài cá nhân. K nhờ anh Đinh B liên hệ với anh Đinh Văn K để thế chấp xe mô tô này. Qua trao đổi, thỏa thuận, anh K đồng ý nhận thế chấp xe mô tô BKS: 82L1- 052.84 với số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), thời hạn 01 (một) tháng phải chuộc xe. Sau đó, K cùng Đinh Thị H vào tỉnh Bình Phước để làm thuê. Đến thời hạn chuộc lại xe, nhưng K không có tiền chuộc xe, K bỏ mặc cho ông Khuấn định đoạt chiếc xe trên.

Sau một tháng không thấy bị cáo K chuộc xe, anh K đã trao đổi xe mô tô BKS: 82L1- 052.84 với anh Đinh Văn S để lấy 01 con bò. Anh Sơn bán xe mô tô này lại cho anh Cao Văn T với giá 6.500.000 đồng (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng). Anh Tú bán lại anh Nguyễn Thanh T với giá 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Anh T bán lại cho một người đàn ông ở thành phố Đà Nẵng (không xác định được lai lịch) với giá 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Lời khai của bị cáo NTK tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Bị cáo NTK đã thực hiện hành vi phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Đánh giá tính chất vụ án*: Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo NTK có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo NTK là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục, cũng như để phòng ngừa chung tội phạm.

[4] *Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ*:

+ *Tình tiết tăng nặng:*

Từ năm 2006 đến nay, bị cáo NTK có 04 tiền án.

Ngày 29-9-2006, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2006-HSST. Đã thi hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích;

Ngày 16-01-2009, bị Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 (hai) năm tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2009/HSST. Đã thi hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích;

Ngày 15-02-2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HSST. Đã thi hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích;

Ngày 17-9-2014, bị Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2014/HSST. Đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Ngày 06-5-2022, tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HS-ST, bị Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi phạt 3 (ba) năm tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại khoản 1 Điều 145 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa thi hành án.

Ngày 25-5-2022, tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST, bị Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi phạt 6 (sáu) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa thi hành án.

+ *Tình tiết giảm nhẹ:* Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo NTK đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ vào khoản 1 điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; chị YC yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, bị cáo NTK phải bồi thường 21.277.500 đồng (*hai mươi một triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) là có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Bị cáo NTK phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về mức bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo NTK phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo NTK 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 18-11-2021.

2. Về dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo NTK phải bồi thường số tiền 21.277.500 đồng (*hai mươi một triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) cho chị YC.

3. Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo NTK phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.063.875 đồng (*một triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị hại chị YC, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đinh Thị Ngọc, ông Nguyễn Thanh Tùng có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện ST;
- QCCSĐT Công an huyện ST;
- Cơ quan THAHS huyện ST;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Q.Ngãi;
- Chi cục THADS huyện ST;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Thị Ánh Tuyết**

**Các thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Thị Ánh Tuyết**



